

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL23B1KH**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH02107**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Kỹ năng mềm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2353801015277	Nguyễn Trung	An	19/05/1987			8	8.0				10.0		9.2
2	2353801015278	Huỳnh Văn	Chiến	10/07/1977			5	5.0				9.8		7.9
3	2353801015279	Nguyễn Bé	Dư	04/05/1982			5	5.0				10.0		8.0
4	2353801015280	Lê Thanh	Dũng	01/01/1965			7.5	8.0				10.0		9.1
5	2353801015281	Huỳnh Văn	Đèo	18/03/1988			8	7.5				10.0		9.1
6	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc	Giang	19/09/1982			8	8.0				10.0		9.2
7	2353801015283	Nguyễn Thị	Giang	21/06/1990			8	7.0				10.0		8.9
8	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/11/1985			8	7.0				10.0		8.9
9	2353801015285	Lê Minh	Hiền	20/02/2001			8	6.0				10.0		8.7
10	2353801015286	Nguyễn Văn	Hiền	06/12/1983			8	7.5				10.0		9.1
11	2353801015287	Thái Xuân	Hoàng	02/09/1988			8	7.5				10.0		9.1
12	2353801015288	Võ Minh	Hùng	09/11/1996			7.5	7.5				0.0		3.0
13	2353801015289	Huỳnh Quốc	Huy	18/10/1993			7.5	7.5				9.5		8.7
14	2353801015290	Nguyễn Hoàng	Khanh	01/12/1982			8	7.0				10.0		8.9
15	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	14/03/1985			8	8.0				10.0		9.2
16	2353801015292	Phạm Thị Mỹ	Lệ	04/05/1983			8	8.0				10.0		9.2
17	2353801015293	Ngô Văn	Nấm	19/11/1975			8	7.0				9.3		8.5
18	2353801015294	Trịnh Thị Kim	Ngân	15/11/1993			8	8.0				10.0		9.2
19	2353801015295	Trần Văn	Nghé	19/05/1985			8	8.0				10.0		9.2
20	2353801015296	Huỳnh Văn	Nghĩa	08/05/1974			8	7.5				10.0		9.1
21	2353801015297	Nguyễn Đức	Nhã	20/05/1974			8	7.5				10.0		9.1
22	2353801015298	Lê Thành	Nhân	10/05/1988			7.5	7.5				10.0		9.0
23	2353801015368	Lê Thị Ngọc	Thảo	12/08/1987			8	5.0				10.0		8.4
24	2353801015374	Võ Thị Bích	Ngà	27/01/2008			7.5	7.0				0.0		2.9
25	2353801015375	Nguyễn Minh	Thuận	19/09/2003			7.5	7.0				9.5		8.6

Châu Đốc, ngày 14 tháng 6 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Quốc Trinh